

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC SƠN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số 16/2024/HNGĐ-ST
Ngày 08-5-2024
V/v xin ly hôn, yêu cầu nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thị Bắc

Ông Hoàng Doãn Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 háng 01 năm 2024 về vụ xin ly hôn, yêu cầu nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị N, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Triệu Văn T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Đặng Thị N trình bày:

Chị Đặng Thị N và anh Triệu Văn T được tự do tìm hiểu, và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán; ngày 14/6/2013, chị Đặng Thị N và anh Triệu Văn T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn chị Đặng Thị N và anh Triệu Văn T sống với nhau hạnh phúc. Năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong cuộc sống; mặc dù hai vợ chồng cũng đã hàn gắn nhưng mâu thuẫn càng

ngày càng trầm trọng. Năm 2019 chị Đặng Thị N đã bỏ về nhà bố, mẹ đẻ tại thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn sinh sống; vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Chị Đặng Thị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Đặng Thị N đề nghị được ly hôn với anh Triệu Văn T.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Triệu Sinh N1, sinh ngày 12/8/2013. Hiện tại đang ở cùng với anh Triệu Văn T. Khi ly hôn chị Đặng Thị N đề con chung cho anh Triệu Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành, chị Đặng Thị N không cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Triệu Văn T không đến Tòa theo giấy triệu tập của Tòa án để giải quyết vụ án, Tòa án đã phải xuống nhà lấy lời khai theo quy định. Tại bản lấy lời khai ngày 15/3/2024 anh Triệu Văn T có ý kiến như sau: Anh Triệu Văn T và chị Đặng Thị N chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Lạng Sơn từ năm 2013. Trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương. Theo anh Triệu Văn T trình bày vợ chồng sống với nhau bình thường không có mâu thuẫn; năm 2017 chị Đặng Thị N đi làm Công ty và không về gia đình anh nữa mà về nhà bố mẹ đẻ tại thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn sinh sống cho đến nay. Thỉnh thoảng có về thăm con; vợ chồng ly thân từ năm 2017 đến nay hai vợ chồng không quan tâm đến nhau. Chị Đặng Thị N xin ly hôn với anh Triệu Văn T, anh không nhất trí vì anh cho rằng con còn nhỏ và anh vẫn còn tình cảm với chị Đặng Thị N. Tòa án đã triệu tập anh Triệu Văn T đến để hòa giải đoàn tụ nhưng anh không có mặt và không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay anh Triệu Văn T có mặt ban đầu anh Triệu Văn T không nhất trí ly hôn muốn vợ chồng quy về đoàn tụ nhưng chị Đặng Thị N vẫn dứt khoát muốn ly hôn. Sau khi Hội đồng xét xử hỏi và giải thích theo quy định của pháp luật anh Triệu Văn T đã đồng ý nhất trí ly hôn với chị Đặng Thị N.

Về con chung: Anh Triệu Văn T trình bày, có 01 con chung như chị Đặng Thị N trình bày là đúng. Nếu trong trường hợp phải ly hôn anh Triệu Văn T yêu cầu được nuôi cháu Triệu Sinh N1 đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi và yêu cầu chị Đặng Thị N cấp dưỡng nuôi con chung là 500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, việc thụ lý vụ án và xác định quan hệ tranh chấp là đúng quy định của pháp luật và đúng thẩm quyền. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến

hành thu thập chứng cứ, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

[2] Về tình cảm: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đặng Thị N và anh Triệu Văn T là hợp pháp có đăng ký hôn theo quy định của pháp luật. Chị Đặng Thị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm, không thấu hiểu nhau trong cuộc sống. Vì vậy chị Đặng Thị N đề nghị được ly hôn với anh Triệu Văn T. Anh Triệu Văn T ban đầu không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Đặng Thị N. Sau đó anh đã đồng ý nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị Đặng Thị N. Căn cứ theo quy định tại Điều 55, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình; Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận thống nhất thuận tình ly hôn giữa anh Triệu Văn T và chị Đặng Thị N.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên là Triệu Sinh N1, sinh ngày 12/8/2013. Cháu có nguyện vọng được ở với anh Triệu Văn T khi bố mẹ ly hôn; như vậy cũng phù hợp với nguyện vọng của cả anh Triệu Văn T và chị Đặng Thị N. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử ghi nhận giao cháu Triệu Sinh N1 cho anh Triệu Văn T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là có căn cứ và đúng với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa chị Đặng Thị N và anh Triệu Văn T đồng ý thống nhất là chị Đặng Thị N cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 500.000 đồng/tháng. Căn cứ điều 116, Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận về mức cấp dưỡng nuôi con giữa các bên. Chị Đặng Thị N có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về nợ chung của vợ chồng: Không có.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn về quan điểm giải quyết vụ án như sau: Về tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành quy định khi được tòa án triệu tập đến để giải quyết vụ án. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa các bên về đồng ý thuận tình ly hôn; về giao con chung cho anh Triệu Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành và ghi nhận mức cấp dưỡng các bên thỏa thuận tại phiên tòa. Chị Đặng Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[8] Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia

đình. Điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện đồng ý ly hôn giữa chị Đặng Thị N và anh Triệu Văn T.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện giữa chị Đặng Thị N và anh Triệu Văn T giao cháu Triệu Sinh N1, sinh ngày 12/8/2013, cho anh Triệu Văn T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Đặng Thị N cấp dưỡng 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) một tháng để nuôi con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật. Chị Đặng Thị N có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu; mà người phải thi hành án chưa thi hành, thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Không có.

4. Về án phí: Chị Đặng Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung để sung vào công quỹ Nhà nước. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn theo biên lai thu số 0004001 ngày 15/01/2024. Chị Đặng Thị N còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Tòa báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn; tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THA huyện Bắc Sơn; tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Nhất Hòa, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Mạnh Đức